

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 20-4-2026.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phước.

Bà Nguyễn Thị Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Phượng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Thị D, sinh ngày 12/8/1996.

Căn cước công dân số: 091196004658. Ngày cấp: 11/11/2022. Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Đ, tỉnh An Giang) (có mặt).

Địa chỉ: F L, ấp P, xã N, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 13/5/1985.

Căn cước công dân số: 042085018784.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn L, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ: Nhà T, ấp P, xã N, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 21/01/2026, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu Đ tìm hiểu năm 2018 và đi đến kết hôn năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh). Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống bình thường, đến đầu

năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn do vấn đề kinh tế gia đình, tính cách không hợp, luôn bất đồng quan điểm, anh Đ có tính vũ phu, thường hay cãi vã, không còn hợp nhau. Chị đã tạo điều kiện cho anh Đ nhiều lần, muốn giữ hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, đến tháng 9/2024 mâu thuẫn trầm trọng, anh Đ có đánh chị nên sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Vũ B, sinh ngày 14/01/2020 và Nguyễn Hồ Bảo A, sinh ngày 29/8/2022. Cháu B đang sống với anh Đ, cháu A đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu A, giao cháu B cho anh Đ nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện nay, chị làm công việc phun xăm thẩm mỹ, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Theo bản tự khai ngày 11/02/2026, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thị D tìm hiểu năm 2018 và đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh) ngày 22/6/2019. Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận, không có mâu thuẫn gì trầm trọng, thỉnh thoảng có chuyện cãi vã, lời qua tiếng lại về tiền bạc, tranh cãi trong việc xây nhà mới, vợ chồng có nói qua nói lại. Anh có nguyện vọng được hòa giải để vợ chồng giữ gìn hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con, không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Vũ B, sinh ngày 14/01/2020 và Nguyễn Hồ Bảo A, sinh ngày 29/8/2022. Cháu B đang sống với anh, cháu A đang sống với chị D. Ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, giao cháu A cho chị D nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp, thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị D yêu cầu ly hôn, bị đơn anh Đ không đồng ý ly hôn tuy nhiên chị D kiên quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị xử cho chị D ly hôn anh Đ. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Vũ B, sinh ngày 14/01/2020 và Nguyễn Hồ Bảo A, sinh ngày 29/8/2022, chị D và anh Đ đều thống nhất giao cháu B cho anh Đ nuôi dưỡng, giao cháu A cho chị D nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai, đề nghị Tòa án ghi

nhận thỏa thuận. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ, yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ đăng ký thường trú tại thôn L, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh, sinh sống tại nhà trọ H1, ấp P, xã N, tỉnh Đồng Nai. Mặc dù anh Đ đi làm xa nhưng cuối tuần vẫn về sinh sống và thăm gia đình tại địa chỉ trên, anh Đ vẫn nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, biết Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung tranh chấp:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị D và anh Nguyễn Hữu Đ tự tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2019, ngày 22/6/2019 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn chị D trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng sống bình thường, đến năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình, tính cách không hợp, luôn bất đồng quan điểm, anh Đ có tính vũ phu, thường hay cãi vã, không còn hợp nhau, đã ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay nên yêu cầu ly hôn anh Đ. Bị đơn anh Đ cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, thỉnh thoảng có cãi vã, lời qua tiếng lại về tiền bạc, tranh cãi trong việc xây nhà, anh có nguyện vọng được hòa giải để vợ chồng giữ gìn hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con, không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, trong thời gian sống chung, giữa chị D và anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn, chị D và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2024, trong thời gian ly thân không thể hòa giải được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập chị D và anh Đ đến phiên hòa giải để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành do chị D kiên quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Như vậy, hôn nhân giữa chị D và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị D đối với anh Đ, xử cho chị D ly hôn anh Đ.

[4] Về con chung: Chị D và anh Đ có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Vũ B, sinh ngày 14/01/2020 và Nguyễn Hồ Bảo A, sinh ngày 29/8/2022. Hiện nay, cháu B đang do anh Đ nuôi dưỡng, cháu A đang do chị D nuôi dưỡng. Chị D và anh Đ đều có ý kiến giao

cháu B cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu A cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Tại phiên tòa, chị D và anh Đ đều thống nhất ý kiến về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự thỏa thuận của chị D và anh Đ.

[5] Về tài sản chung: Chị D và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị D và anh Đ đều trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ nên chị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002500 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai). Chị D đã nộp đủ.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị D đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thị D ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Vũ B, sinh ngày 14/01/2020 và Nguyễn Hồ Bảo A, sinh ngày 29/8/2022.

Công nhận sự thỏa thuận giao cháu Nguyễn Hữu Vũ B cho anh Nguyễn Hữu Đ trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hồ Bảo A cho chị Thị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị D, anh Đ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị D, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002500 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai). Chị D đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Thị D và anh Nguyễn Hữu Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai);
- UBND xã Đồng Tiến, tỉnh Hà Tĩnh (GCNKH số 38/2019, ngày 22/6/2019 xã Thạch Hội cũ);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Hoàng